

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 65/2019/DS- PT

Ngày 14 - 3 - 2019

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Hiệp;

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Thanh Triều;

Ông Nguyễn Song Bình.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Sắc Ly.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2019, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2018/TLPT-DS ngày 08 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 139/2018/DSST ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 21/2019/QĐ-PT ngày 21 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Võ Thị Cẩm H, sinh năm: 1992 (vắng mặt);

Địa chỉ: đường Ng, khu phố B, phường C, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Võ Thị U, sinh năm: 1962 (có mặt);

Địa chỉ: đường M, khu phố A, phường C, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Võ Thị U.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

*Nguyên đơn Võ Thị Cẩm H trình bày:*

Qua quen biết, nên vào ngày 13/3/2017 chị H có cho chị Võ Thị U vay số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Khi vay tiền chị U có viết biên nhận và thỏa thuận lãi suất 03% tháng, thời hạn vay khi nào cần lấy lại vốn sẽ báo trước 01 tháng. Sau khi vay chị U trả lãi cho chị H được 05 tháng với số tiền là 1.500.000 đồng, tiền vốn chưa trả. Ngày 16/9/2017 chị U vay tiếp số tiền là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng), có viết biên nhận và thỏa thuận như lần

vay đầu, phần tiền vay lần này chị U chưa trả tiền lãi cho chị tháng nào. Sau 02 tháng khi cần lấy lại vốn thì chị H đã nhiều lần liên hệ đến chị U để lấy lại tiền, nhưng chị U xin gia hạn và tìm cách tránh mặt, kéo dài cho đến nay không trả lại tiền vốn cho chị.

Nay chị H yêu cầu chị Võ Thị U có nghĩa vụ trả lại cho chị tổng cộng số tiền nợ là 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi, về thời gian thực hiện yêu cầu trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

*Bị đơn Võ Thị U trình:* Vào khoảng tháng 02 hoặc tháng 03 âm lịch, bà không nhớ rõ, bà có mượn chị Cẩm H 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), mỗi ngày cứ 1.000.000 đồng gốc phải trả 20.000 đồng tiền lãi; khoảng 15 ngày sau bà có mượn thêm của chị H 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) thỏa thuận lãi như lần mượn trước. Tổng cộng số tiền bà mượn của chị Cẩm H là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Sau đó, bà không có tiền trả lãi nên chị H tính tiền lãi còn thiếu là 5.000.000 đ (Năm triệu đồng) cộng vào vốn bằng 10.000.000 đ (Mười triệu đồng), khi có tiền thì bà có trả lãi, nhưng khi không có tiền trả kéo dài thì chị H tiếp tục tính lãi là 5.000.000 đ (Năm triệu đồng) cộng vào số tiền 10.000.000 đ (Mười triệu đồng), thành số tiền là 15.000.000 đ (Mười lăm triệu đồng). Cũng sau đó do bà trả lãi không đúng theo thỏa thuận, nên chị H bắt buộc bà phải ký nợ số tiền 25.000.000 đ (Hai mươi lăm triệu đồng), bà xin trả nợ từ từ chị H không cho, những biên nhận chữ sửa số tiền thì không phải của bà viết.

Ngoài ra bà U cho rằng bà còn trả tiền lãi cho anh Bùi Hoài Th nhận dùm làm nhiều lần.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/4/2018 thì bà Võ Thị U có thừa nhận biên nhận ngày 16/9/2017 và biên nhận ngày 13/3/2017 là do bà U viết và ký tên, nhưng chị H ép bà viết và ký. Qua yêu cầu của chị H đòi bà trả 35.000.000 đ (Ba mươi lăm triệu đồng), thì bà không đồng ý, bà chỉ đồng ý trả 15.000.000 đ (Mười lăm triệu đồng), nhưng xin trả dần mỗi tháng là 200.000 đ (Hai trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa ngày 18 tháng 9 năm 2018, bà Võ Thị U không thừa nhận chữ viết, chữ ký trong biên nhận ngày 13 tháng 3 năm 2017 và biên nhận ngày 16 tháng 9 năm 2017.

\* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 139/2018/DS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang:

Áp dụng vào Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 13, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Cẩm H.

Buộc bà Võ Thị U có nghĩa vụ trả 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) cho chị Võ Thị Cẩm H.

Về thời gian buộc bà Võ Thị U trả theo mỗi tháng cụ thể:

Ngày 22/11/2018 trả là 6.000.000 đ (Sáu triệu đồng);

Ngày 22/12/2018 trả là 6.000.000 đ (Sáu triệu đồng);

Ngày 22/01/2019 trả là 6.000.000 đ (Sáu triệu đồng);

Ngày 22/02/2019 trả là 6.000.000 đ (Sáu triệu đồng);

Ngày 22/03/2019 trả là 1.000.000 đ (Một triệu đồng).

Về chi phí tố tụng: Bà Võ Thị U có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) cho chị Võ Thị Cẩm H.

Về án phí: Giảm cho bà Võ Thị U 50% án phí; bà U phải chịu là 625.000đ (Sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm;

Chị Võ Thị Cẩm H phải chịu 500.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí do chị H nộp là 875.000 đồng, theo biên lai số 42381 ngày 16/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Tiền Giang; hoàn lại cho chị H số tiền 375.000 đồng.

Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

\* Ngày 30 tháng 10 năm 2018, bị đơn Võ Thị U có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, theo hướng không chấp nhận yêu cầu kiện của chị H.

- Các đương sự trình bày tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Bị đơn Võ Thị U trình bày: Tiếp tục giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì khác, thừa nhận biên nhận nợ do chính bị đơn viết với số tiền 25.000.000 đồng, còn biên nhận 10.000.000 đồng cũng do bị đơn viết nhưng bị đơn không có sửa nội dung trong biên nhận, bị đơn còn cho rằng đã trả tiền cho nguyên đơn nhiều lần thông qua người chạy xe ôm nhưng bị đơn cũng không cung cấp địa chỉ, số tiền đã trả là bao nhiêu, khi trả không có biên nhận, chứng từ gì thể hiện, nguyên đơn cũng không thừa nhận bị đơn đã trả.

+ Nguyên đơn Võ Thị Cẩm H đã được tòa án cấp phúc thẩm triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Nội dung kháng cáo của bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm không bổ sung chứng cứ gì khác, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn, do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã G.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, Tòa án phúc thẩm áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn không bổ sung tài liệu chứng cứ gì khác về nội dung đơn kháng cáo, bị đơn cho rằng chỉ vay tiền của nguyên đơn hai lần, lần thứ nhất là 3.000.000 đồng, lần thứ hai là 2.000.000 đồng với lãi suất 3%/tháng. Tuy nhiên, bị đơn đều thừa nhận các biên nhận (Bút lục 27a, 28) là do bị đơn viết và ký tên, bị đơn cho rằng đã trả cho nguyên đơn tiền lãi nhiều lần, nhưng không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện việc trả lãi với số tiền bao nhiêu, trả bao nhiêu lần và theo hồ sơ thì nguyên đơn cũng không thừa nhận. Bị đơn còn trình bày việc trả tiền thông qua xe ôm nhưng không có họ tên địa chỉ cụ thể, số tiền đã trả, trả bao nhiêu lần và không khách quan làm chứng cho bị đơn như bị đơn trình bày nên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với biên nhận nợ số tiền 25.000.000 đồng (BL 27a) và không xem xét chấp nhận biên nhận nợ số tiền vay 10.000.000 đồng (BL28) do có sửa chữa về số tiền vay là đã xem xét có lợi cho bị đơn.

[3] Về yêu cầu trả dần số nợ cho nguyên đơn với mức tiền 200.000 đồng/tháng, xét thấy các đương sự khi giao kết hợp đồng vay tài sản không thể hiện việc thỏa thuận nghĩa vụ trả tiền theo định kỳ và tại phiên tòa các đương sự cũng không thỏa thuận được với nhau theo yêu cầu kháng cáo của bị đơn, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để xem xét chấp nhận, buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn như đã cam kết.

[4] Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định về thời gian buộc bà Võ Thị U trả mỗi tháng từ ngày 22/11/2018 đến 22/3/2019, gồm năm kỳ thanh toán (04 kỳ trả 6.000.000 đồng và một kỳ trả 1.000.000 đồng) cho nguyên đơn, xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn phù hợp với quy định của pháp luật cần phải ghi nhận.

Tuy nhiên, trong bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã G, Hội đồng xét xử sơ thẩm không nhận định nội dung về sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự, biên bản phiên tòa không thể hiện. Nội dung này chỉ thể hiện trong bài phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân thị xã G. Nhưng tại phần quyết định Hội đồng xét xử có tuyên về thời gian thanh toán, Hội đồng xét xử sơ thẩm cần lưu ý rút kinh nghiệm.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ xem xét chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn Võ Thị U, cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 139/2018/DS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do nội dung kháng cáo của bị đơn Võ Thị U không được Hội đồng xét xử chấp nhận, căn cứ Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Do đó, bị đơn Võ Thị U phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của bị đơn Võ Thị U.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 139/2018/DS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Cẩm H.

- Buộc bà Võ Thị U có nghĩa vụ trả 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) cho chị Võ Thị Cẩm H.

- Về thời gian buộc bà Võ Thị U trả theo mỗi tháng cụ thể:

Ngày 22/11/2018 trả là 6.000.000 đ (Sáu triệu đồng);

Ngày 22/12/2018 trả là 6.000.000 đ (Sáu triệu đồng);

Ngày 22/01/2019 trả là 6.000.000 đ (Sáu triệu đồng);

Ngày 22/02/2019 trả là 6.000.000 đ (Sáu triệu đồng);

Ngày 22/03/2019 trả là 1.000.000 đ (Một triệu đồng).

- Về chi phí tố tụng: Bà Võ Thị U có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) cho chị Võ Thị Cẩm H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

## 2. Về án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm:

- Giảm cho bà Võ Thị U 50% án phí; bà U phải chịu là 625.000đ (Sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm;

- Chị Võ Thị Cẩm H phải chịu 500.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí do chị H nộp là 875.000 đồng, theo biên lai số 42381 ngày 16/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Tiền Giang; hoàn lại cho chị H số tiền 375.000 đồng.

+ Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Võ Thị U phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 42755 ngày 30/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Tiền Giang, nên xem như đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã G;
- Chi cục THADS thị xã G;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;
- DSPT-2019-C

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Hoàng Hiệp**